

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5595/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân quận/huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

I. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG:

1. Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Đối với Trường hợp cấp mới: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

+ Đối với trường hợp cấp lại do hết hiệu lực: Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân tiếp tục sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

+ Hồ sơ của tổ chức, cá nhân được nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện, từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện xem xét và cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh; Trường hợp không cấp Giấy phép, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Cá nhân, tổ chức căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban

nhân dân quận/huyện hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả thủ tục hành chính tại địa chỉ (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân quận/huyện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

+ Bản sao Giấy tiếp nhận công bố hợp quy, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

+ Bản liệt kê tên hàng hóa sản phẩm rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa sản phẩm rượu mà tổ chức, cá nhân dự kiến sản xuất.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ (một bộ gửi Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện, một bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép)

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (theo mẫu) hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm định: 1.100.000đ/cơ sở/lần;

- Lệ phí: 200.000đ/giấy/lần.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Phụ lục 10 – Thông tư 60/2014/TT-BCT);

- Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Phụ lục 13 – Thông tư 60/2014/TT-BCT)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

+ Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công;

+ Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hóa sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

Phụ lục 10

(Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH

Kính gửi: Phòng UBND Quận (Huyện).... Tỉnh (Thành phố)...(1)

.....(2)

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Phòng(1) xem xét cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công các loại:.....(3)

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu.....(4)

Xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ- CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của
Đơn vị, chủ thể sản xuất**

(ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép (Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương).

(2): Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

Phụ lục 13

(Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
UBND QUẬN, HUYỆN.... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
PHÒNG(1) -----

Số: /GP-P...(7), ngày...tháng...năm ...

GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG
NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH
TRƯỞNG PHÒNG (1)

Căn cứ(2);

Căn cứ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của

Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Xét đề nghị tại đơn xin cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh ngày.....tháng.....năm..... của(3),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

Cho phép.....(3)

Trụ sở giao dịch....., điện thoại....., Fax.....;

Địa điểm sản xuất:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... docấp ngày..... tháng..... năm....

Được phép sản xuất rượu thủ công các loại nhằm mục đích kinh doanh:(4)

Quy mô sản xuất.....(5)

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

.....(3) phải thực hiện đúng các quy định của Nghị định số 94/2012/NĐ- CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Thời hạn thực hiện

Giấy phép này có giá trị đến ngày.... tháng ... năm...../.

(Chức danh, Họ và Tên người ký,
chữ ký và có đóng dấu)

Nơi nhận:

- (3);
- (6)
- Lưu VT, (8).

Chú thích:

- (1): Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương.
- (2): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp phép.
- (3): Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.
- (4): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (5): Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).
- (6) :Tên các tổ chức liên quan.
- (7): Ký hiệu viết tắt của Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương.
- (8): Bộ phận cấp phép.

2. Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trường hợp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ.

+ Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện xem xét và cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh; Trường hợp không cấp Giấy phép, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Cá nhân, tổ chức căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện; hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả thủ tục hành chính tại địa chỉ (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân quận/huyện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (theo mẫu);

+ Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ (một bộ gửi Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện, một bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép)

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (theo mẫu) hoặc văn bản từ chối cấp phép nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí: 200.000đ/giấy/lần.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Phụ lục 12 – Thông tư 60/2014/TT-BCT);

- Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Phụ lục 14 – Thông tư 60/2014/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

Phụ lục 12

(Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP

SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH

Kính gửi: Phòng ... UBND Quận (Huyện)... Tỉnh (Thành phố)...(1)

.....(2)

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh số.....ngày..... tháng.....năm.....do.... ..(1) cấp (nếu có).

Đơn vị sản xuất đề nghị(1) xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, với lý do cụ thể như sau(5)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Phòng(1) xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công các loại:.....(3)

Quy mô sản xuất.....(4)

Xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của

Đơn vị, chủ thể sản xuất

(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1) :Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép (Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương).

(2): Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

(5): Lý do phải cấp lại Giấy phép.

Phụ lục 14

(Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

**UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...
UBND QUẬN, HUYỆN....
PHÒNG(1)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-P...(7)

....., ngày...tháng...năm ...

**GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH**

(Cấp lại lần thứ...)

TRƯỞNG PHÒNG(1)

Căn cứ(2);

Căn cứ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Xét đề nghị tại Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh ngày.....tháng...năm..... của(3),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

Cho phép.....(3)

Trụ sở giao dịch....., điện thoại....., Fax.....;

Địa điểm sản xuất:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do cấp ngày..... tháng..... năm....

Được phép sản xuất rượu thủ công các loại nhằm mục đích kinh doanh:(4)

Quy mô sản xuất.....(5)

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

.....(3) phải thực hiện đúng các quy định của Nghị định số 94/2012/NĐ- CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép

Giấy phép này có giá trị đến ngày..... tháng ... năm... ./.

Nơi nhận:

- (3);
- (6)
- Lưu VT, (8).

(Chức danh, Họ và Tên người ký,
chữ ký và có đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương.
- (2): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp phép.
- (3): Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.
- (4): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (5): Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).
- (6): Tên các tổ chức liên quan.
- (7): Ký hiệu viết tắt của Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương.
- (8): Bộ phận cấp phép.

3. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh; Trường hợp không cấp Giấy phép, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Cá nhân, tổ chức căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện; hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả thủ tục hành chính tại địa chỉ (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân quận/huyện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh;

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ (một bộ gửi Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện, một bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép)

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (theo mẫu) hoặc văn bản từ chối cấp phép nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm định: 1.100.000đ/cơ sở/lần;

- Lệ phí: 200.000đ/giấy/lần.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Phụ lục 11 – Thông tư 60/2014/TT-BCT);

- Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Phụ lục 11 – Thông tư 60/2014/TT-BCT)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công;

+ Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hóa sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

Phụ lục 11

(Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH**

Kính gửi: Phòng ... UBND Quận (Huyện)... Tỉnh (Thành phố)...(1)

.....(2)

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp ngày..... tháng.....

năm.....

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh số.....ngày..... tháng.....năm.....do....(1) cấp (nếu có).

Đơn vị sản xuất đề nghị(1) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, với lý do cụ thể như sau(5)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Phòng(1) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công các loại:.....(3)

Quy mô sản xuất.....(4)

Xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của

Đơn vị, chủ thể sản xuất

(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương.

(2): Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

(5): Lý do phải cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

Phụ lục 15

(Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
UBND QUẬN, HUYỆN.... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
PHÒNG(1) -----

Số: /GP-P...(10)

....., ngày...tháng...năm ...

GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH

(Cấp sửa đổi bổ sung lần thứ...)

TRƯỞNG PHÒNG(1)

Căn cứ(2);

Căn cứ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh số... do ... cấp ngày... tháng... năm... (7)

Xét đề nghị tại Đơn đề nghị cấp sửa đổi bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh ngày.....tháng....năm..... của(3),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi (bổ sung)(8) Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp số... (7) như sau:

.....(4).....(5)..... (9)

Điều 2. Giấy phép này là một phần không thể tách rời của Giấy phép số.... do ... cấp ngày....tháng ... năm (7)

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

.....(3) phải thực hiện đúng các quy định của Nghị định số 94/2012/NĐ- CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 4. Thời hạn của Giấy phép

Giấy phép này có giá trị đến ngày..... tháng ... năm...../.

Nơi nhận:

- (3);
- (6);
- Lưu VT, (11).

(Chức danh, Họ và Tên người ký,
chữ ký và có đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương.
- (2): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp phép.
- (3): Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.
- (4): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (5): Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).
- (6): Tên các tổ chức liên quan.
- (7): Số, ngày, tháng năm và nơi cấp của Giấy phép cũ
- (8): Nếu là cấp sửa đổi thì ghi “sửa đổi”. Nếu trường hợp cấp bổ sung thì ghi “bổ sung”.
- (9): Nội dung sửa đổi, bổ sung khác.
- (10): Ký hiệu viết tắt của Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương.
- (11): Bộ phận cấp phép.

II. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

1. Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Đối với Trường hợp cấp mới: Thương nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

+ Đối với trường hợp cấp lại do hết hiệu lực: Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, thương nhân tiếp tục kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

+ Hồ sơ của thương nhân được nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện, từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện xem xét và cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá; Trường hợp không cấp Giấy phép, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Thương nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện; hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả thủ tục hành chính tại địa chỉ (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân quận/huyện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

+ Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

+ Hồ sơ về địa điểm kinh doanh, gồm có:

* Địa chỉ, diện tích và mô tả khu vực kinh doanh thuốc lá;

* Bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);

* Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ (một bộ gửi Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện, một bộ lưu tại trụ sở thương nhân xin cấp giấy phép)

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu) hoặc văn bản từ chối cấp phép nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy phép: 200.000 đồng/ giấy/lần cấp

- Phí thẩm định hồ sơ: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 23 – Thông tư 21/2013/TT-BCT);

- Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 24 – Thông tư 21/2013/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

- Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m² trở lên;

- Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

- Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/05/2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Phụ lục 23

(Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: UBND huyện (quận)(1)

1. Tên thương nhân:.....
 2. Địa chỉ trụ sở chính:
 3. Điện thoại:..... Fax:.....
 4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngàytháng..... năm.....;
 5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....
- Đề nghị UBND huyện (quận)(1) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:
6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:(2).....
 7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:(3).....

.....(ghi rõ tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên huyện (quận) nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

Phụ lục 24

(Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

UBND HUYỆN (QUẬN)... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-P

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY PHÉP

BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH)..... (2)

Căn cứ(1);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày ... tháng năm của.....(4);

Theo đề nghị của Phòng(3).....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

1. Cho phép.....(4).....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Điện thoại:..... Fax:.....;

4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do.....cấp đăng ký lần đầu ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày.....tháng..... năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:.....;

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(5).....

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(6).....

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

.....(4)..... phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm...../.

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN (QUẬN).....

Nơi nhận:

- (4);

-(5);

- Lưu: VT, ... (7).

(2)

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).

(2): Ghi rõ tên huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) nơi thương nhân được phép kinh doanh.

(3): Ghi rõ tên Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế nơi thương nhân được phép kinh doanh.

(4): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(6): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân được phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

2. Thủ tục cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện, từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện xem xét và cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá; Trường hợp không cấp Giấy phép, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Thương nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện; hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả thủ tục hành chính tại địa chỉ (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân quận/huyện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu) hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí: Lệ phí cấp giấy phép: 200.000 đồng/ giấy/lần cấp

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 56 – Thông tư số 21/2013/TT-BCT);

- Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 56 – Thông tư số 21/2013/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/05/2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Phụ lục 56

(Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: UBND huyện (quận).....(1)

1. Tên thương nhân:
 2. Địa chỉ trụ sở chính:
 3. Điện thoại:..... Fax:.....;
 4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày tháng..... năm.....;
 5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
 6. Đã được UBND huyện (quận).....(1)..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....
 7. Đã được UBND huyện (quận).....(1).....cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....(nếu có).
 - 8...(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị UBND huyện (quận).....(1)..... xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do(2).....
-(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân xin cấp phép

(2): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

Phụ lục 57

(Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

UBND TỈNH, TP... (1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
UBND HUYỆN (QUẬN)... (3) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-P..... , ngày..... tháng..... năm 20.....

GIẤY PHÉP
BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(Cấp lại lần thứ.....)
CHỦ TỊCH UBND HUYỆN (QUẬN)..... (3)

Căn cứ(2);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Xét Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày ... tháng năm của.....(5);

Theo đề nghị của Phòng(4).....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

1. Cho phép.....(5).....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Điện thoại:..... Fax:.....;

4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do.....cấp đăng ký lần đầu ngày.....tháng.....năm.....đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày..... tháng.....năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

+ Tên:

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(6).....

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(7).....

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

.....(5)..... phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép(9)

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm...../.

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN (QUẬN).....

(2)

(ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- (5);
-(6);
- Lưu: VT,(8).

Chú thích:

- (1): Ghi rõ tên tỉnh, thành phố nơi thương nhân được phép kinh doanh.
- (2): Ghi rõ Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của huyện (quận).
- (3): Ghi rõ tên huyện (quận) nơi thương nhân được phép kinh doanh.
- (4): Ghi rõ tên Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế nơi thương nhân được phép kinh doanh.
- (5): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.
- (6): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- (7): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân được phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- (8): Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.
- (9): Thời hạn của Giấy phép là thời hạn đã được ghi trong Giấy phép đã được cấp lần đầu.

3. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện, từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá; Trường hợp không cấp Giấy phép, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Thương nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện; hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả thủ tục hành chính tại địa chỉ (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân quận/huyện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu) hoặc văn bản từ chối cấp phép nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy phép: 200.000 đồng/ giấy/lần cấp
- Phí thẩm định hồ sơ: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 50 – Thông tư 21/2013/TT-BCT);
- Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 51 – Thông tư 21/2013/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;
- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;
- Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m² trở lên;
- Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá;
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/05/2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Phụ lục 50

(Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /... .., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: UBND huyện (quận).....

- Tên thương nhân :
 - Địa chỉ trụ sở chính:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)... số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày..... tháng.....năm.....;
 - Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - + Tên:
 - + Địa chỉ:
 - + Điện thoại:..... Fax:.....;
- Đã được UBND huyện (quận) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....
- Đã được UBND huyện (quận) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày thángnăm(nếu đã có)
-(1).....

...(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị UBND huyện (quận) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

- Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

2. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(2).....

- Để tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm(3).....

3. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

- Thông tin cũ:.....

- Thông tin mới:.....(3).....

b) Đề nghị bổ sung:.....(4).....

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(4): Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

Phụ lục 51

(Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

UBND TỈNH, TP...(6) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
UBND HUYỆN (QUẬN)...(7) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-P.....

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ (Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ.....)

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN (QUẬN)..... (7)

Căn cứ(2).....;

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số...(3)...ngày ... tháng nămdo (7)..... cấp cho(4);

Căn cứ Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (cấp sửa đổi, bổ sung lần) số...(3)...ngày ... tháng nămdo ..(7)... cấp cho(4) (nếu đã có);

Xét Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày ... tháng năm của.....(4);

Theo đề nghị của(1),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....(3).....như sau(5).....

Điều 2. Các nội dung khác quy định khác tại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số(3)..... không thay đổi

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

.....(4) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
(QUẬN)..... (7)
(ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- (3);
-(8);
- Lưu: VT,(1).

Chú thích:

- (1) Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.
- (2): Ghi rõ Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của huyện (quận).
- (3): Số giấy phép đã được cấp.
- (4): Tên thương nhân.
- (5): Nội dung sửa đổi, bổ sung.
- (6): Tên thành phố (tỉnh), nơi thương nhân xin cấp sửa đổi, bổ sung.
- (7): Tên quận (huyện) nơi thương nhân xin cấp sửa đổi, bổ sung.
- (8): Tên các tổ chức có liên quan.

4. Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Đối với Trường hợp cấp mới: Thương nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

+ Đối với trường hợp cấp lại do hết hiệu lực: Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, thương nhân tiếp tục kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

+ Hồ sơ của thương nhân được nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện, từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ.

+ Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện xem xét và cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu; Trường hợp không cấp Giấy phép, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Thương nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện; hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả thủ tục hành chính tại địa chỉ (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân quận/huyện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

+ Bản cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình;

+ Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu (trong đó ghi rõ loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh);

+ Bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc bản sao giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm

+ Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ (một bộ gửi Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện, một bộ lưu tại trụ sở thương nhân xin cấp giấy phép)

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (theo mẫu) hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy phép: 200.000 đồng/ giấy/lần cấp

- Phí thẩm định hồ sơ: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Phụ lục 31 – Thông tư 60/2014/TT-BCT);

- Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Phụ lục 31 – Thông tư 60/2014/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

- Trực thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu;

- Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

- Có bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

- Phù hợp với quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do Sở Công Thương tỉnh công bố;

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/05/2012 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Phụ lục 31

(Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

**TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: / , ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi: Phòng(1)

Tên thương nhân:.....
Địa chỉ trụ sở chính:;
Điện thoại:..... Fax:.....;
Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:
+ Tên địa điểm kinh doanh:;
+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:;
+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Phòng(1) xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu, cụ thể như sau:

1. Được phép mua:

- a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(2).... của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:.....(3)
- b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(2).... của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:.....(3)

2. Được phép bán:

Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại địa điểm:.....(4)(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Ghi rõ tên Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi thương nhân dự kiến xin phép đề kinh doanh.
- (2): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu.
- (4): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

Phụ lục 32

(Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

UBND TỈNH, TP... (1)
UBND HUYỆN (QUẬN)... (2)
PHÒNG..... (3)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-P....., ngày...tháng...năm ...

GIẤY PHÉP KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU
TRƯỞNG PHÒNG..... (3)

Căn cứ(9);

Căn cứ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu số.....ngày ... tháng năm của.....(4);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép.....(4)

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

1. Được phép mua:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(5)... của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:

.....(6)

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(5)... của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:(6)

2. Được phép bán:

Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại địa điểm:

.....(7)

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

.....(4) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm...../.

Nơi nhận:

- (4);

-(6);

- Lưu: VT,(8).

(Chức danh, Họ và Tên người ký,
chữ ký và có đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên tỉnh, thành phố nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(2): Ghi rõ tên quận (huyện) nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(3): Ghi rõ tên Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(4): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.

(5): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(6): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm rượu.

(7): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

(8): Tên các tổ chức có liên quan.

(9): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp phép.

5. Thủ tục cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện, từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

+ Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện xem xét và cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu; Trường hợp không cấp Giấy phép, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Thương nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện; hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả thủ tục hành chính tại địa chỉ (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân quận/huyện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu (theo mẫu);

+ Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (nếu có);

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ (một bộ gửi Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện, một bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép)

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu (theo mẫu) hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy phép: 200.000 đồng/ giấy/lần cấp

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu (Phụ lục 34 – Thông tư 60/2014/TT-BCT);

+ Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Phụ lục 40 – Thông tư 60/2014/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/05/2012 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Phụ lục 34

(Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)
TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU
(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi:(1)

Tên doanh nghiệp:;
Địa chỉ trụ sở chính:;
Điện thoại:..... Fax:.....;
Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
Địa điểm kinh doanh:
+ Tên địa điểm kinh doanh:;
+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:;
+ Điện thoại:..... Fax:.....;
Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....(2) sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do....(1) cấp.
Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....(2) sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do....(1) cấp (nếu có).
Doanh nghiệp đề nghị(1) xem xét cấp lại Giấy phép kinh doanh (2) sản phẩm rượu, với lý do(3).....
.....(ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương hoặc Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi doanh nghiệp dự kiến xin phép để kinh doanh.

(2): Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

(3): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

Phụ lục 40

(Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

UBND TỈNH, TP...(1)
UBND HUYỆN (QUẬN)...(2)
PHÒNG.....(3)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-P.....

....., ngày...tháng...năm ...

GIẤY PHÉP KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU

(Cấp lại lần thứ.....)

TRƯỞNG PHÒNG.....(3)

Căn cứ

.....(9);

Căn cứ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu số.....ngày ... tháng ... năm của.....(4);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép.....(4)

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

3. Được phép mua:

c) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(5).... của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:.....

.....(6)
d) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(5)..... của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:.....

.....(6)

2. Được phép bán:

Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại địa điểm:.....
.....(7)

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

.....(4) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm...../.

(Chức danh, Họ và Tên người ký,
chữ ký và có đóng dấu)

Nơi nhận:

- (4);
-(6);
- Lưu: VT,(8).

Chú thích:

- 1): Ghi rõ tên tỉnh, thành phố nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.
- (2): Ghi rõ tên quận (huyện) nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.
- (3): Ghi rõ tên Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.
- (4): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.
- (5): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (6): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm rượu.
- (7): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.
- (8): Tên các tổ chức có liên quan.
- (9): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp phép.

6. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu; Trường hợp không cấp Giấy phép, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Thương nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện; hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả thủ tục hành chính tại địa chỉ (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân quận/huyện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh;

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ (một bộ gửi Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện, một bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép)

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (theo mẫu) hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy phép: 200.000 đồng/ giấy/lần cấp
- Phí thẩm định hồ sơ: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu (Phụ lục 33 – Thông tư 60/2014/TT-BCT);
- Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Phụ lục 37 – Thông tư 60/2014/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;
- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;
- Trực thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu;
- Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;
- Có bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;
- Phù hợp với quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do Sở Công Thương tỉnh công bố;

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/05/2012 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Phụ lục 33

(Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU

Kính gửi:(1)

Tên doanh nghiệp :

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....(2) sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do....(1) cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....(2) sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do....(1) cấp (nếu có).

Doanh nghiệp đề nghị(1) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh (2) sản phẩm rượu, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

2. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức(2).... sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(3).... của
.....(4)..... sản phẩm rượu có tên sau:
.....(5).....

Được phép tổ chức(2)..... sản phẩm rượu tại tỉnh, thành
phố(6).....

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(3)..... của
.....(4)..... sản phẩm rượu có tên sau:
.....(5).....

Được phép tổ chức(2)..... sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố
.....(6).....

3. Sửa đổi, bổ sung địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

b) Đề nghị bổ sung:

.....(7).....(ghi rõ tên doanh
nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số
60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi
tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật
liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương hoặc Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi doanh nghiệp dự kiến xin phép để kinh doanh.

(2) Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi rõ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu khác hoặc doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm rượu trực tiếp từ thương nhân nước ngoài hoặc của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu.

(5): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

(6): Ghi rõ tên của từng tỉnh, thành phố.

(7): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép bổ sung để bán lẻ sản phẩm rượu.

Phụ lục 37

Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

**UBND TỈNH, TP...(1)
UBND HUYỆN (QUẬN)...(2)
PHÒNG.....(3)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-P.....

....., ngày...tháng...năm ...

GIẤY PHÉP KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU

(Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ.....)

TRƯỞNG PHÒNG.....(3)

Căn cứ(4);

Căn cứ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu số...(5)...ngày ... tháng nămdo (3)..... cấp cho(6);

Căn cứ Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (cấp sửa đổi, bổ sung lần) số...(5)...ngày ... tháng nămdo ..(3)... cấp cho(6) (nếu đã có);

Xét Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu số.....ngày ... tháng năm của.....(6),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, (bổ sung) Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu số.....(5).....như sau

.....(7).....

Điều 2. Các nội dung khác quy định khác tại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu số(5)..... không thay đổi

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

.....(6) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**(Chức danh, Họ và Tên người ký,
chữ ký và có đóng dấu)**

Nơi nhận:

- (6);
-(8);
- Lưu: VT.....(8).

Chú thích:

- (1): Tên thành phố (tỉnh), nơi thương nhân xin cấp sửa đổi, bổ sung.
- (2): Tên quận (huyện) nơi thương nhân xin cấp sửa đổi, bổ sung.
- (3): Ghi rõ tên Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.
- (4): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị.
- (5): Ghi rõ Số Giấy phép đã được cấp.
- (6): Tên thương nhân.
- (7): Nội dung sửa đổi, bổ sung.
- (8): Tên các tổ chức có liên quan.

III. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Thủ tục Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, thay đổi bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Đối với Trường hợp cấp mới, cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, thay đổi và bổ sung quy trình sản xuất: Cơ sở sản xuất nhỏ lẻ chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

+ Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực; Trước thời hạn hết hiệu lực của Giấy Chứng nhận 06 tháng, Cơ sở sản xuất nhỏ lẻ phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

+ Hồ sơ được nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện, từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung và hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Ủy ban nhân dân quận/huyện có văn bản yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ.

+ Quá 30 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi, Ủy ban nhân dân quận/huyện có quyền hủy hồ sơ.

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Ủy ban nhân dân quận/huyện tổ chức thẩm định thực tế. Kết quả thẩm định “đạt” hoặc “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” phải ghi rõ lý do trong Biên bản thẩm định. Trường hợp “Chờ hoàn thiện”, thời hạn khắc phục tối đa là 60 ngày. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục (theo mẫu) về cơ quan có thẩm quyền để tổ chức thẩm định lại theo quy định. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 15 ngày làm việc tính từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được báo cáo khắc phục;

Nếu kết quả thẩm định lại vẫn “Không đạt”, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu đơn vị không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận.

+ + Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt, Ủy ban nhân dân quận/huyện xem xét và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ủy ban nhân dân quận/huyện phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Cơ sở sản xuất nhỏ lẻ căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả qua bưu điện (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ủy ban nhân dân quận/huyện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo mẫu, đối với Cấp mới); hoặc Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo mẫu, đối với Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, thay đổi và bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực);

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề sản xuất thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Bản tự đánh giá Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm (theo mẫu);

+ Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất (bản sao có xác nhận của cơ sở).

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Công Thương gồm:

- Các cơ sở do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

- Các tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ không thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật thực hiện cam kết bảo đảm an toàn

thực phẩm với cơ quan có thẩm quyền tại địa phương do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và phân cấp quản lý;

- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân quận/huyện

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (theo mẫu) hoặc văn bản từ chối cấp phép nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm xét hồ sơ: 500.000đ/lần/cơ sở;

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 150.000đ/lần cấp;

- Lệ phí thẩm định: 1.000.000đ/lần thẩm định/cơ sở.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (theo Mẫu 1 - Thông tư 57/2015/TT-BCT);

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (theo Mẫu 3 - Thông tư 57/2015/TT-BCT);

- Bản tự đánh giá Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm (theo Mẫu 2 - Thông tư 57/2015/TT-BCT);

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (Mẫu 4 - Thông tư 57/2015/TT-BCT);

- Báo cáo kết quả khắc phục (Mẫu 4 Phụ lục IV – Thông tư 58/2014/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ

+ Chủ cơ sở và người trực tiếp tham gia sản xuất phải có Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (còn hiệu lực) do cơ quan có thẩm quyền cấp.

+ Chủ cơ sở có trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho chủ cơ sở và những người tham gia trực tiếp sản xuất của cơ sở định kỳ ít nhất 01 (một) lần/ năm tại cơ sở y tế cấp quận/huyện trở lên. Hồ sơ khám sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp tham gia sản xuất của cơ sở phải được lưu trữ đầy đủ tại cơ sở sản xuất. Chủ cơ sở và người sản xuất trực tiếp tại cơ sở phải có Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm do cơ sở y tế cấp quận/huyện trở lên cấp.

- Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với khu vực sản xuất thực phẩm

+ Khu vực sản xuất thực phẩm phải được bố trí tại địa Điểm không bị ngập nước, đọng nước, ô nhiễm bụi, hóa chất độc hại, không bị ảnh hưởng bởi động vật,

côn trùng, vi sinh vật gây hại và có Khoảng cách an toàn với các nguồn gây ô nhiễm khác.

+ Các công đoạn sản xuất sản phẩm thực phẩm phải được bố trí theo nguyên tắc và quy trình chế biến một chiều từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm cuối cùng.

+ Nền nhà khu vực sản xuất phải bằng phẳng, thoát nước tốt, không gây trơn trượt, không đọng nước và dễ làm vệ sinh; trần nhà không bị dột, thấm nước, rêu mốc và đọng nước.

- Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm và nước sử dụng để sản xuất, chế biến thực phẩm

+ Nguyên liệu sử dụng để sản xuất, chế biến thực phẩm phải bảo đảm:

* Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Lưu giữ thông tin liên quan đến việc mua bán bảo đảm truy xuất được nguồn gốc;

* Được bảo quản phù hợp với Điều kiện, tiêu chuẩn và hướng dẫn bảo quản của nhà cung cấp;

* Không được để chung với hàng hóa, hóa chất và những vật dụng khác có khả năng lây nhiễm chéo hoặc không bảo đảm an toàn thực phẩm.

+ Phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm sử dụng cho thực phẩm phải thuộc danh Mục được phép sử dụng theo quy định của Bộ Y tế;

+ Cơ sở phải có đủ nước sạch để sản xuất, chế biến thực phẩm phù hợp với QCVN 01:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống.

- Điều kiện đối với chất thải rắn, nước thải trong khu vực sản xuất thực phẩm

+ Cơ sở phải có đủ dụng cụ thu gom chất thải rắn. Dụng cụ thu gom chất thải rắn phải được làm bằng vật liệu phù hợp và được vệ sinh thường xuyên.

+ Chất thải rắn phải được thu gom, phân loại và chứa đựng trong thùng có nắp đậy kín hoặc khu vực tập kết chất thải theo quy định về bảo vệ môi trường của địa phương.

+ Nước thải của cơ sở phải bảo đảm tuân thủ QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và được thu gom vào hệ thống nước thải chung theo quy định về bảo vệ môi trường của địa phương.

- Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong bảo quản, lưu giữ thực phẩm;
Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong bảo quản, lưu giữ thực phẩm

+ Duy trì Điều kiện nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, thông gió và các yếu tố bảo đảm an toàn thực phẩm khác theo quy định và yêu cầu về bảo quản thực phẩm của nhà sản xuất.

+ Có biện pháp, dụng cụ chống côn trùng và động vật gây hại.

+ Sản phẩm thực phẩm không được để chung với hàng hóa, hóa chất và những vật dụng khác có khả năng lây nhiễm chéo hoặc không bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong vận chuyển thực phẩm

+ Chủ cơ sở phải niêm yết tại cơ sở: Quy định đối với phương tiện, phương thức, Điều kiện bảo quản và quản lý an toàn thực phẩm của sản phẩm trong quá trình vận chuyển thực phẩm trong khu vực sản xuất;

+ Không vận chuyển thực phẩm cùng các loại vật tư, nguyên liệu, hóa chất có thể gây nhiễm chéo ảnh hưởng đến chất lượng và an toàn thực phẩm của sản phẩm.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm số [55/2010/QH12](#) ngày 17/6/2010;

- Nghị định số [38/2012/NĐ-CP](#) ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương về quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương về hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn thực phẩm.

- Công văn số 1175/UBND-VX ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai thực hiện Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương.

Mẫu 1 - Thông tư 57/2015/TT-BCT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Cơ sở sản xuất (tên giao dịch hợp pháp):.....

Địa chỉ tại:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số; ngày cấp:
.....; Cơ quan cấp:

Ngành nghề sản xuất (tên sản phẩm xin cấp giấy chứng nhận) :.....

Công suất, doanh thu:.....

Tổng số cán bộ công nhân viên (trực tiếp:.....; gián tiếp:.....)(bao gồm cả chủ cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ).

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.....

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu (nếu có)

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- Bản sao Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực;
- Bản sao Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm;
- Bản tự đánh giá Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm.

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

Mẫu 3 - Thông tư 57/2015/TT-BCT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN
TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Tên cơ sở sản xuất:.....

Chủ cơ sở sản xuất:

Địa chỉ:....(ghi địa chỉ sản xuất).....

Điện thoại.....

Fax.....

Mặt hàng sản xuất:.....

Công suất, doanh thu:.....

Đề nghị ...(ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp)... cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ:... (ghi cụ thể tên sản phẩm thực phẩm xin cấp lại), cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số:; ngày cấp:.....; Cơ quan cấp

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận:

.....
.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

Mẫu 2 - Thông tư 57/2015/TT-BCT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

**BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN
ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỂ SẢN XUẤT THỰC PHẨM**

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất:.....
- Chủ cơ sở sản xuất:.....
- Địa chỉ:...(ghi địa chỉ sản xuất).....
- Điện thoại.....Fax.....
- Mặt hàng sản xuất:.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ CON NGƯỜI

II. 1. Cơ sở vật chất

Diện tích mặt bằng sản xuất:m², Trong đó diện tích để sản xuất:m²;

II. 2. Trang, thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến hiện có

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Xuất xứ	Thực trạng hoạt động của trang, thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất						
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
4	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
5	Dụng cụ lưu mẫu						

6	Phương tiện/ thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
7	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
8	Trang, thiết bị khác để sản xuất (nếu có)						
8.1							
...							
8.?							

II.3. Chủ cơ sở và những người trực tiếp sản xuất

1. Tổng số người trực tiếp sản xuất tại cơ sở (bao gồm cả chủ cơ sở):người;
2. Số người có Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm còn hạn: ...người;
3. Số người đã được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp:người;
4. Số người chưa được cấp:
 - Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:người;
 - Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm:người;

III. CƠ SỞ TỰ ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Thông tư/2015/TT-BCT ngày ... tháng năm của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Cam kết của Chủ cơ sở:

Tôi cam đoan các thông tin nêu trong Bản tự đánh giá về Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và con người là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đánh giá trên./.

....., ngày.....tháng.....năm
20.....

CHỦ CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

Mẫu 4 – Thông tư 57/2015/TT-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

(Tên cơ quan có thẩm quyền được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh/thành phố
trực thuộc trung ương phân cấp quản lý an toàn thực phẩm)

Chứng nhận

Cơ

sở:.....

Loại hình sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ:⁽¹⁾.....

Chủ cơ sở:

Địa chỉ sản xuất.....

Điện thoại:.....

Fax:.....

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

Địa danh, ngày tháng năm 20....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Số cấp:

...../GCNATTPNL-BCT

Giấy chứng nhận có hiệu lực
đến ngày

...../...../20.....

Ghi chú: (1): Ghi cụ thể tên thực phẩm do cơ sở đăng ký và sản xuất

Phụ lục IV – Thông tư 58/2014/TT-BCT

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mẫu 4

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa danh, ngày..... tháng..... năm

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

I. Thông tin chung:

1. Tên Cơ sở:
2. Địa chỉ Cơ sở:
3. Số điện thoại:.....Fax:.....Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng.... năm của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng
tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

2. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy hoặc do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi toàn bộ quy trình sản xuất)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy hoặc do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi toàn bộ quy trình sản xuất, Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện, từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung và hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu. Ủy ban nhân dân quận/huyện xem xét và cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ; Trường hợp từ chối cấp lại Giấy phép, Ủy ban nhân dân quận/huyện phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp.

- Bước 4: Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả qua bưu điện.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ủy ban nhân dân quận/huyện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

* Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo mẫu)

* Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở; đối với trường hợp Cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất);

* Văn bản, tài liệu chứng minh sự thay đổi (bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền).

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân quận/huyện

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (theo mẫu) hoặc văn bản từ chối cấp phép nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm xét: 500.000đ/lần/cơ sở;

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 150.000đ/lần cấp;

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (theo Mẫu 3 - Thông tư 57/2015/TT-BCT);

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (Mẫu 4 - Thông tư 57/2015/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Nghị định số 38/2012 /NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương về quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương về hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 149/2013/TT-BCT ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn thực phẩm.

- Công văn số 1175/UBND-VX ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai thực hiện Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương.

Mẫu 3 - Thông tư 57/2015/TT-BCT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN
TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Tên cơ sở sản xuất:.....

Chủ cơ sở sản xuất:

Địa chỉ:...(ghi địa chỉ sản xuất).....

Điện thoại.....

Fax.....

Mặt hàng sản xuất:.....

Công suất, doanh thu:.....

Đề nghị...(ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp)... cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ:... (ghi cụ thể tên sản phẩm thực phẩm xin cấp lại), cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số:; ngày cấp:.....; Cơ quan cấp

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận:

.....

.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

Mẫu 4 – Thông tư 57/2015/TT-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

(Tên cơ quan có thẩm quyền được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh/thành phố
trực thuộc trung ương phân cấp quản lý an toàn thực phẩm)

Chứng nhận

Cơ

sở:.....

Loại hình sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ:⁽¹⁾.....

Chủ cơ sở:

Địa chỉ sản xuất.....

Điện thoại:.....

Fax:.....

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

Địa danh, ngày tháng năm 20....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Số cấp:

...../GCNATTPNL-BCT

Giấy chứng nhận có hiệu lực
đến ngày

...../...../20.....

Ghi chú: (1): Ghi cụ thể tên thực phẩm do cơ sở đăng ký và sản xuất

3. Thủ tục kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân quận/huyện

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện, từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung và hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3:

+ Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm hợp lệ, Ủy ban nhân dân quận/huyện lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian, địa điểm tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân.

+ Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm tra, đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi, Ủy ban nhân dân quận/huyện cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân đạt yêu cầu (đã trả lời đúng trên 80% câu hỏi ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành trong bài kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm).

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ủy ban nhân dân quận/huyện hoặc có thể đăng ký dịch vụ nhận kết quả qua bưu điện (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Ủy ban nhân dân quận/huyện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đối với tổ chức:

* Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (theo mẫu);

* Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (theo mẫu);

* Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (có dấu xác nhận của tổ chức);

* Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

+ Đối với cá nhân:

* Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (theo mẫu);

* Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân;

* Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Tiếp nhận, thông báo hồ sơ hợp lệ và thời gian kiểm tra kiến thức: 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ);

- Cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm: 03 ngày làm việc (kể từ ngày tổ chức kiểm tra kiến thức đối với những người đã đạt trên 80% số câu trả lời đúng).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất thực phẩm.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân quận/huyện

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm (theo mẫu) hoặc văn bản từ chối xác nhận kiến thức nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí: 30.000 đồng/người

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (Mẫu 1a - Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT);

- Danh sách các tập thể / cá nhân xin xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (Mẫu 1b – Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT).

- Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm (Mẫu 2a – Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm chỉ cấp cho những người đã trả lời đúng từ 80% tổng số câu hỏi (gồm các câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành) trở lên.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2011;

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 149/2013/TT-BCT ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn thực phẩm.

- Công văn số 1175/UBND-VX ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai thực hiện Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Quận/huyện

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số....., cấp
ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....

Địa chỉ:....., Số điện thoại.....

Số Fax.....E-mail.....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Bộ Công Thương ban hành, chúng tôi / Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của Bộ Công Thương ban hành.

(Danh sách (3) gửi kèm theo - **Mẫu số 01b**).

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....
Đại diện Tổ chức/cá nhân
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ
XÁC NHẬN KIẾN THỨC AN TOÀN THỰC PHẨM

(kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của(tên tổ chức)

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....
Đại diện Tổ chức đề nghị xác nhận
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

- Mẫu Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương)

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN/HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY XÁC NHẬN
KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số: /20... /XNTH - ký hiệu viết tắt của cơ quan xác nhận

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương và nội dung, tài liệu kiến thức về an toàn thực phẩm của Bộ Công Thương.

Ủy ban nhân dân Quận/huyện xác nhận các Ông/bà thuộc tổ chức:

Tên tổ chức/ Cá nhân:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện/CMTND số, cấp ngày.../.../... nơi cấp:

Điện thoại:Fax:.....

(có tên trong danh sách kèm theo Giấy này) có kiến thức cơ bản về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị hết ngày..... tháng năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN XÁC NHẬN
(ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Mẫu số 02a và 02b, áp dụng cho các tập thể

Mẫu số 02b

DANH SÁCH

ĐƯỢC XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

(Kèm theo Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm Số: /20.....

/XNTH - ký hiệu viết tắt của cơ quan xác nhận)

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày/tháng/ năm cấp CM	Nơi cấp CMTND

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng cơ quan xác nhận

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

* Ghi chú: Mẫu số 02a và 02b, áp dụng cho các tập thể

Mẫu số 02c

- Mẫu Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN/HUYỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN
KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số: /20... /XNTH - ký hiệu viết tắt của cơ quan xác nhận

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương và nội dung, tài liệu kiến thức về an toàn thực phẩm của Bộ Công Thương.

Ủy ban nhân dân Quận/huyện xác nhận:

Ông/ bà:

Địa chỉ:

Giấy CMTND số, cấp ngày...../...../....., nơi cấp:

Điện thoại:Fax:.....

Có kiến thức cơ bản về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị hết ngày..... tháng năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN XÁC NHẬN**
(ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Mẫu số 02c áp dụng cho cá nhân

